TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 31/2024/QĐST-HNGĐ	*Điện Biên, ngày 22 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 77/2024/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 01 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Bùi Văn Đ**. Sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị D1**. Sinh năm: 1999.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 và Điều 58; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo Đ xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Bùi Văn Đ và chị Nguyễn Thị D1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn Đ và chị Nguyễn Thị D1 thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Bùi Văn Đức được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung là Bùi Quang H, sinh ngày 01/01/2017 và Bùi Kim Ng, sinh ngày 31/7/2019 đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Đức và chị D1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về quan hệ tài sản:

Tài sản riêng, tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; diện tích ruộng, nương Không yêu cầu Tòa giải quyết.

2.4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS năm 2015; Điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH: Anh Đ và chị D1 mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí DSST nhưng anh Đ tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm anh Đức phải nộp là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên theo biên lai thu tiền số: 0000178 ngày 02/01/2024, anh Đ được trả lại 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện ĐB;
- Chi cục THADS huyện Đ.B;
- UBND xã Noong Hẹt, huyện Đ.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Thùy Dương